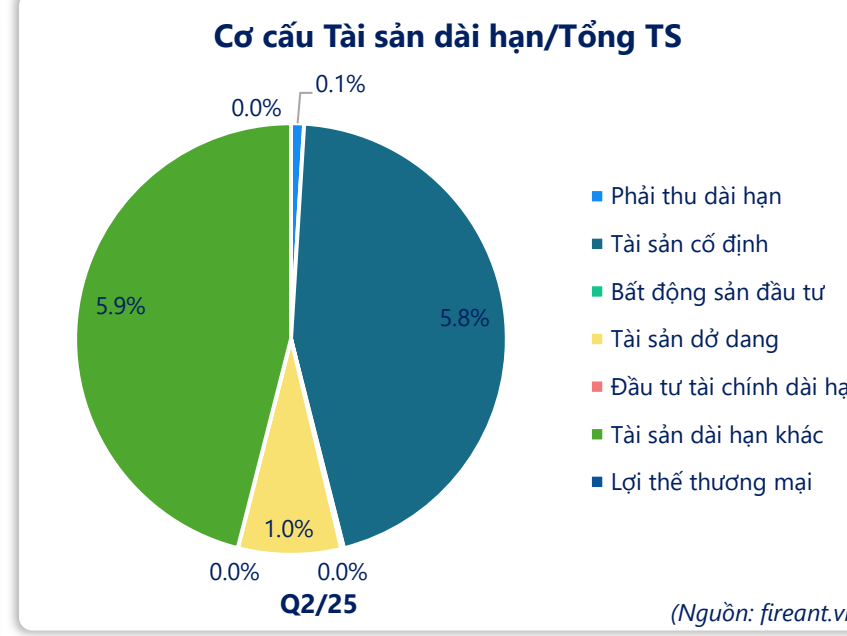
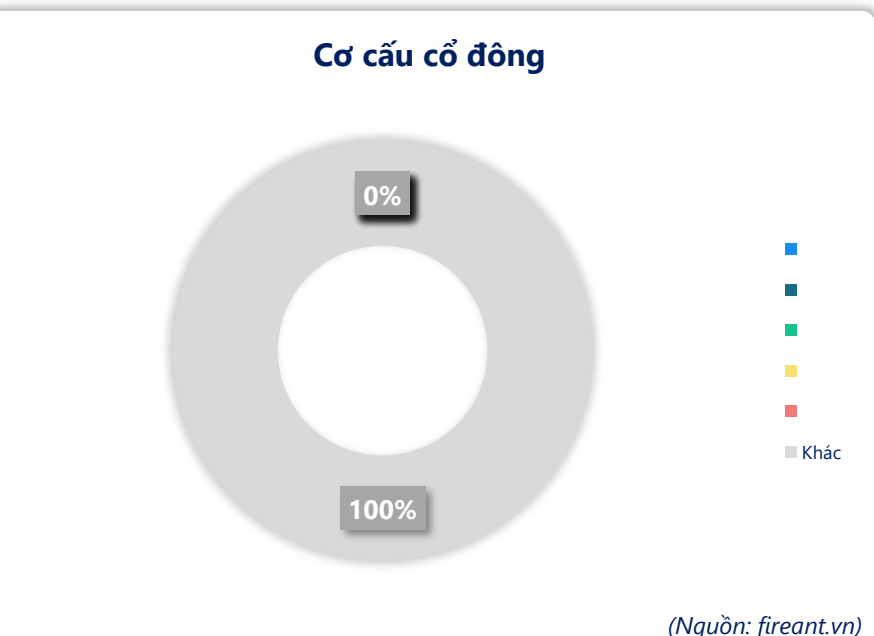
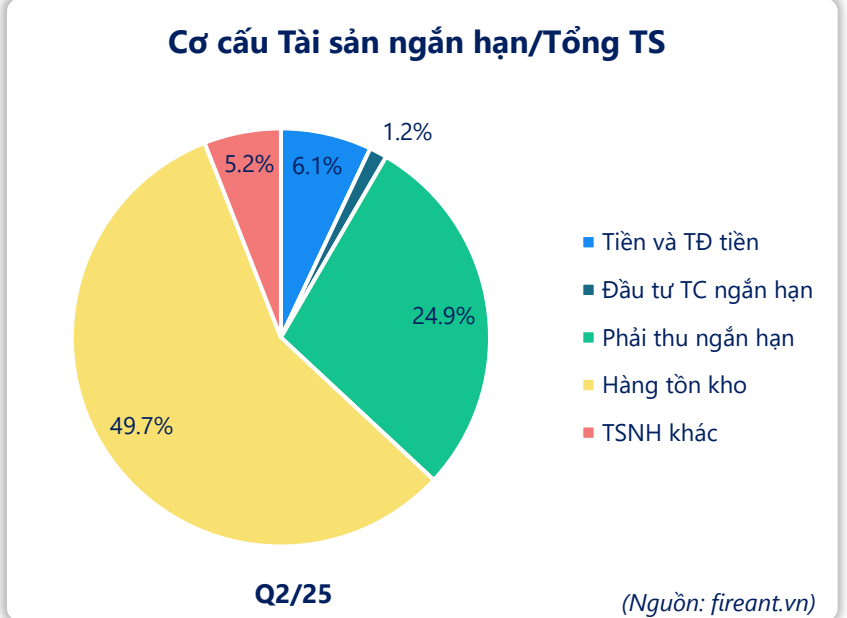
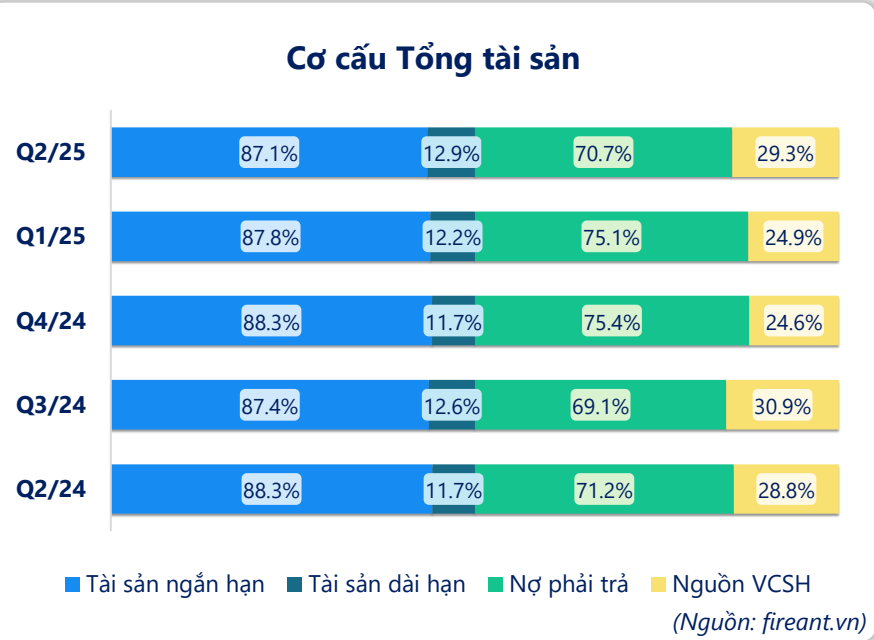
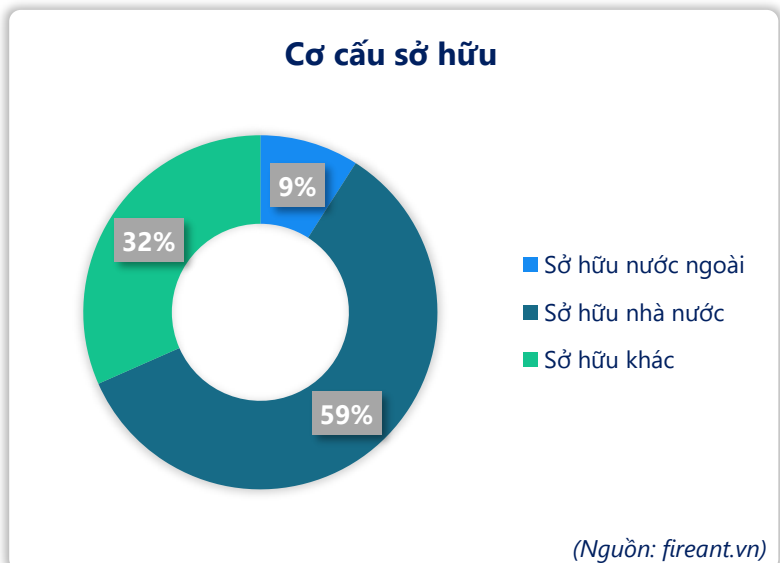
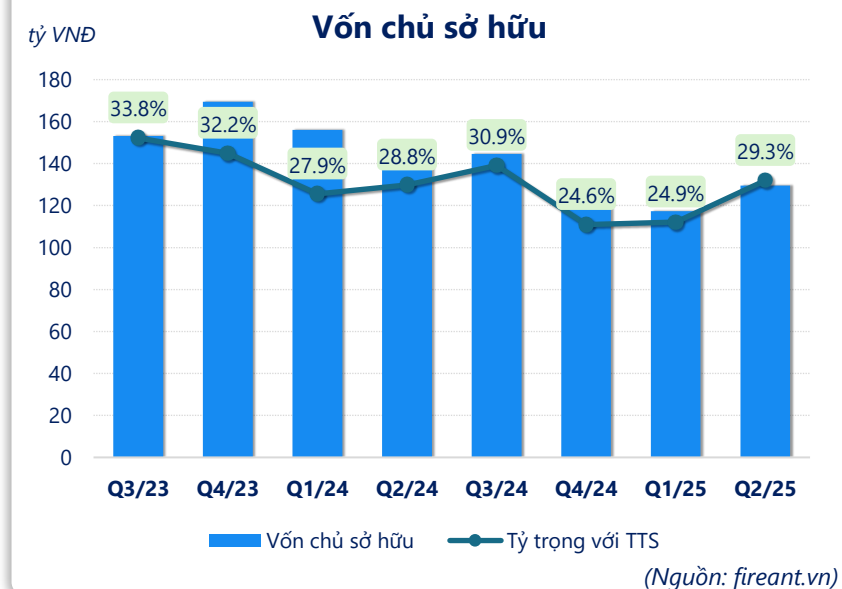
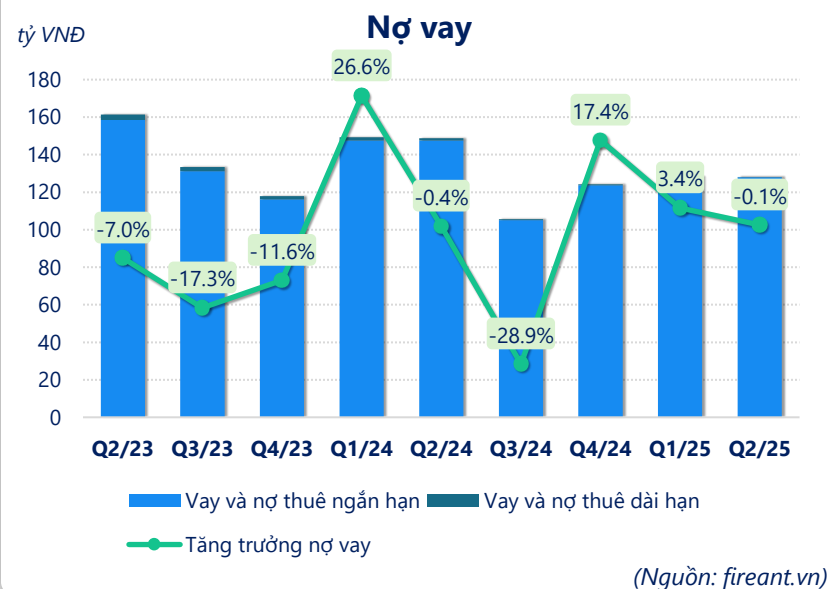
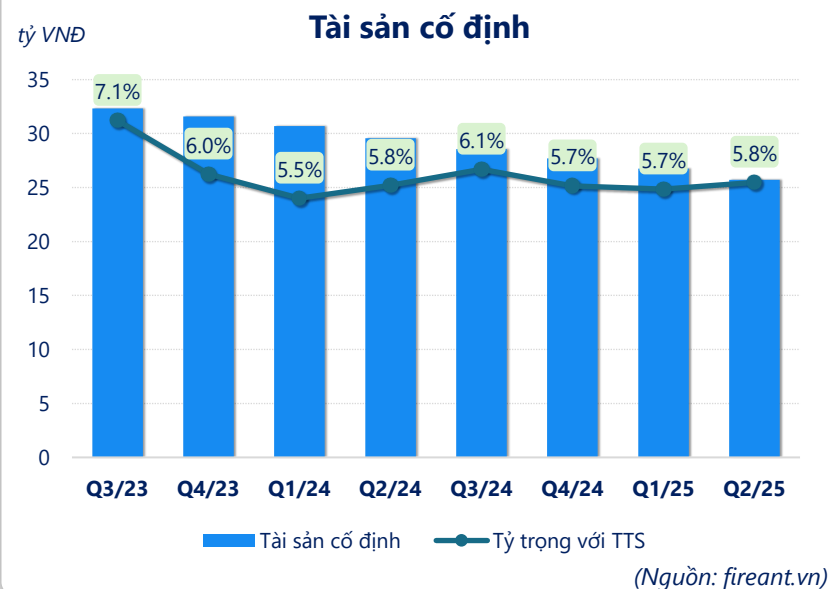
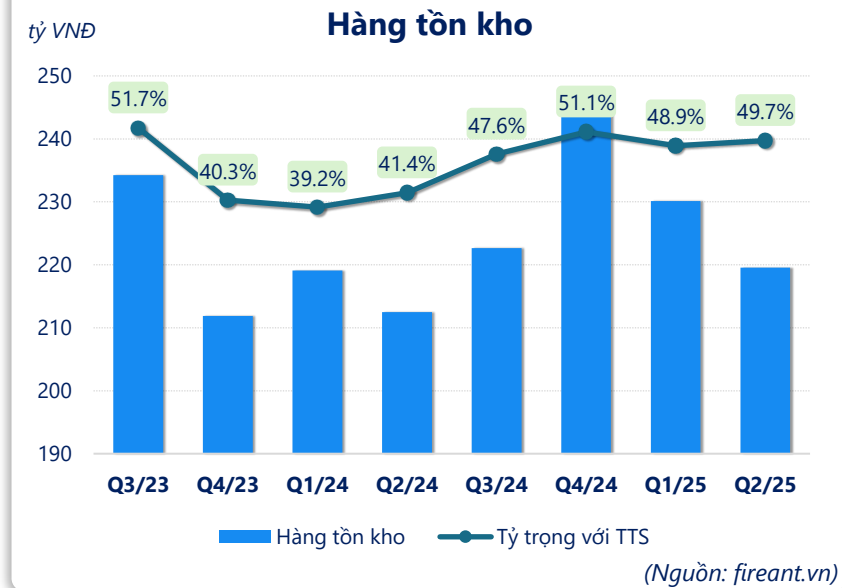
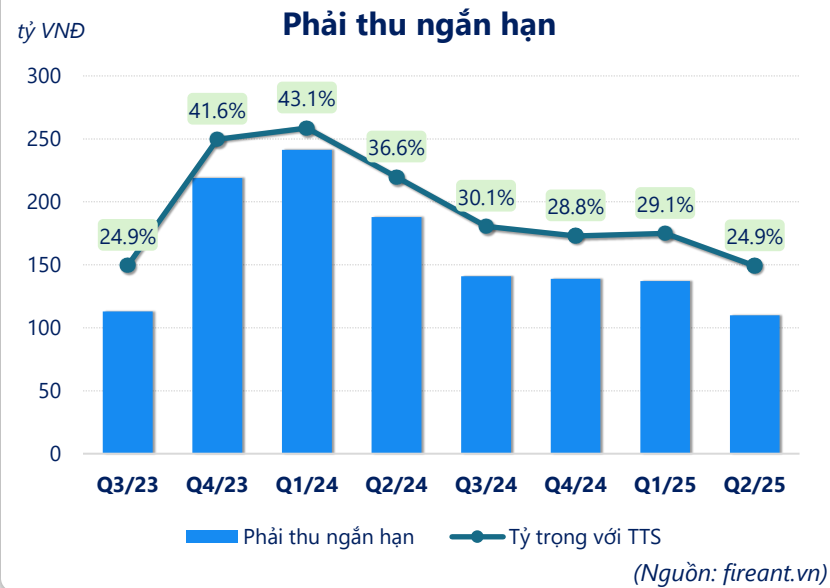
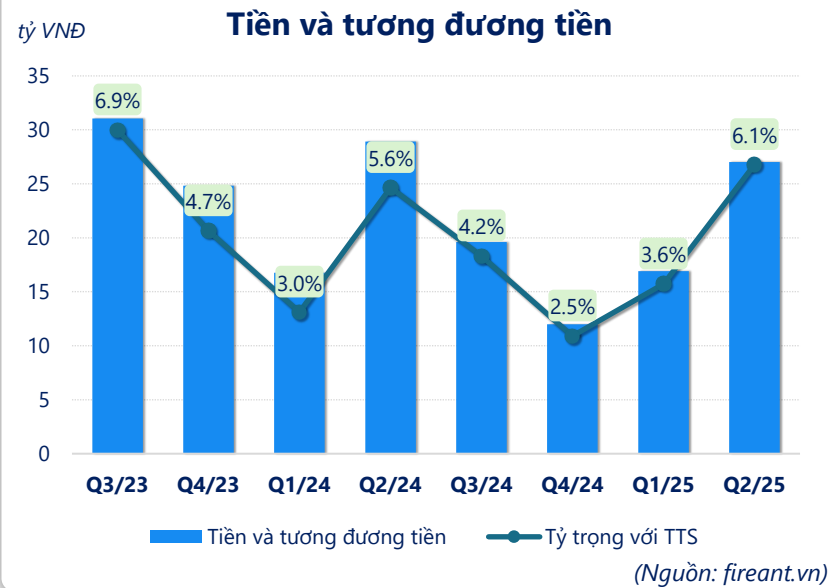
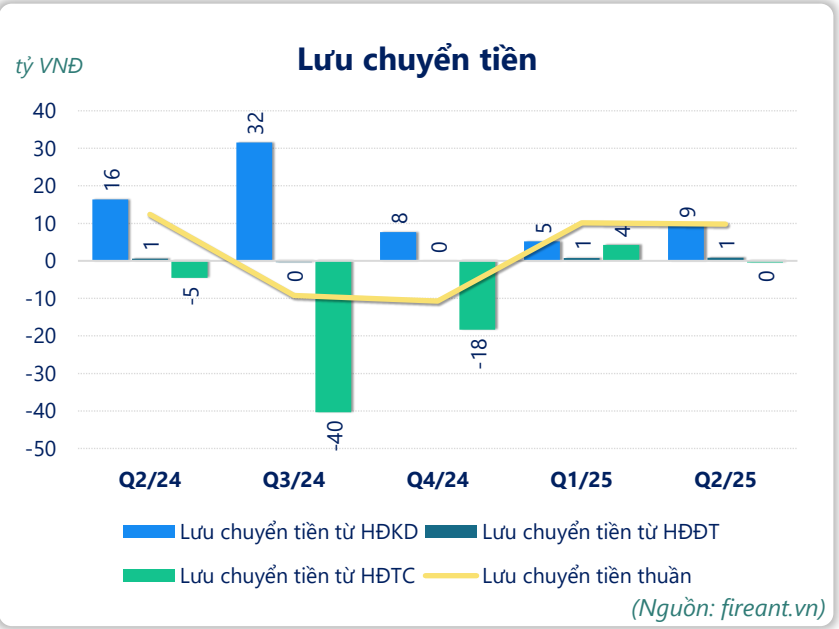
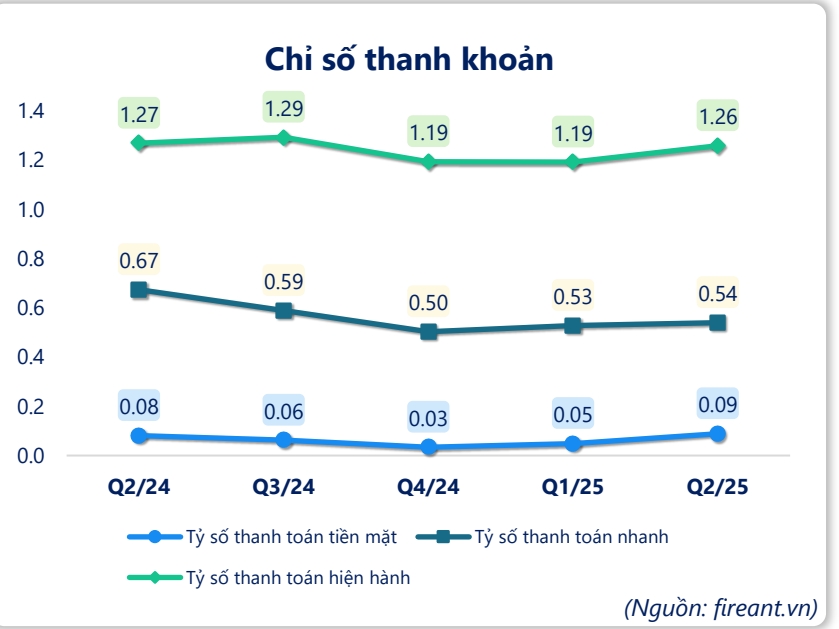
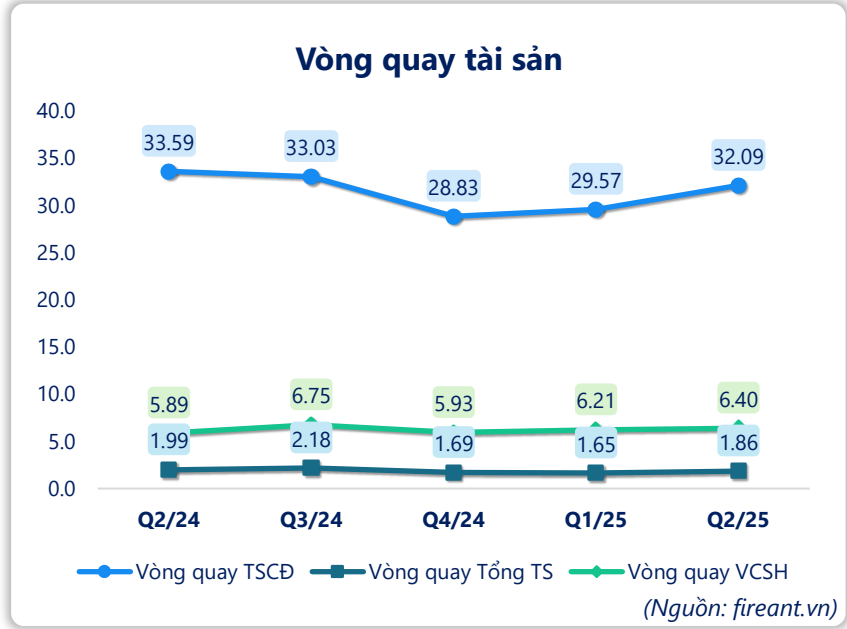
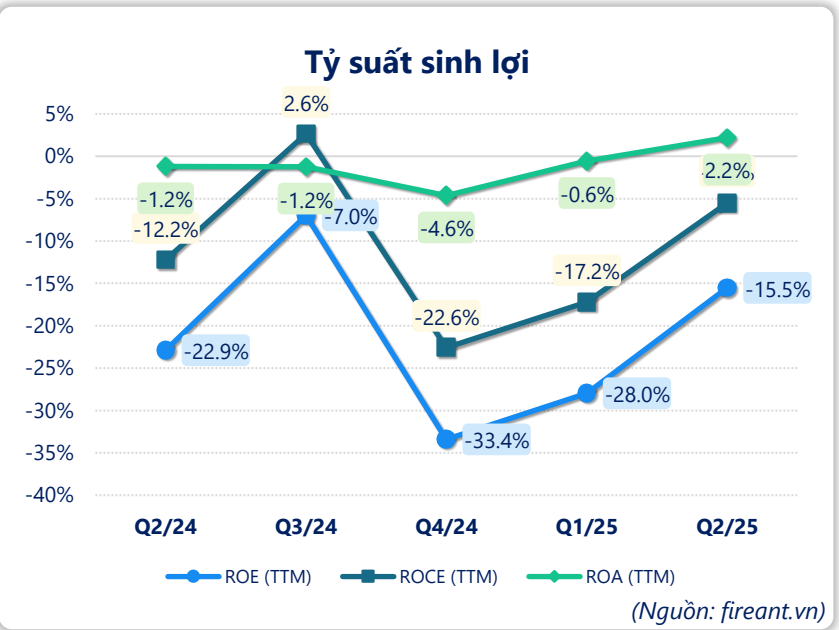
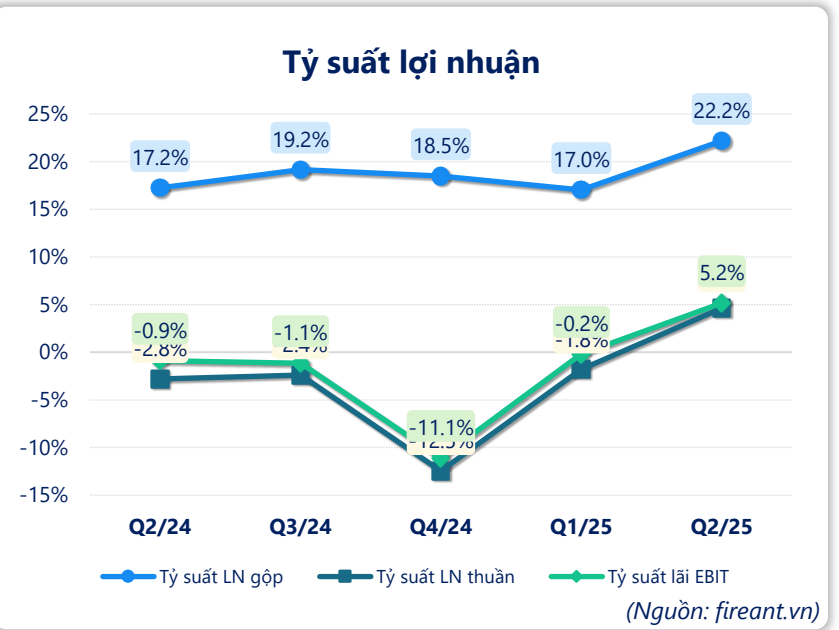
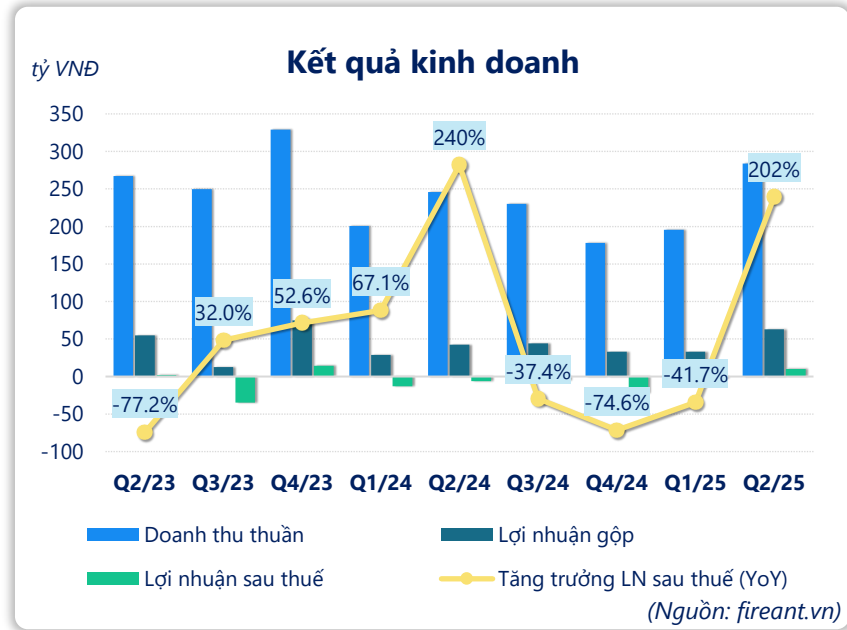


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10
% sở hữu nước ngoài		9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		103
P/E		-4.8
EPS		-2,045

	YTD	1T	3T	6T
SPC	15.3%	1.0%	-2.0%	8.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	442	451	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	384	392	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	27.0	6.67	305%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	0.0%
Phải thu ngắn hạn	110	114	-3.4%
Hàng tồn kho	220	239	-7.9%
Tài sản ngắn hạn khác	22.9	27.6	-17.1%
Tài sản dài hạn	57.1	59.7	-4.4%
Phải thu dài hạn	0.56	0.62	-10.3%
Tài sản cố định	25.7	27.7	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0.11	0.17	-34.6%
Tài sản dở dang	4.40	4.87	-9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.3	26.4	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	312	329	-5.0%
Nợ ngắn hạn	306	322	-5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	128	124	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	145	165	-12.2%
Nợ dài hạn	6.53	6.68	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.15	0.35	-55.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	129	123	5.4%
Vốn chủ sở hữu	129	123	5.4%
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	246	230	178	196	284
Giá vốn hàng bán	203	186	145	162	221
Lợi nhuận gộp	42.4	44.1	32.9	33.3	62.9
Doanh thu HĐTC	3.64	4.96	1.26	1.71	3.74
Chi phí TC	16.3	13.1	10.9	10.2	20.0
Chi phí lãi vay	2.77	1.88	1.99	1.97	2.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.6	33.4	40.4	20.9	24.1
Chi phí QLDN	6.03	8.00	5.09	7.45	9.45
LN thuần từ HĐKD	-6.91	-5.55	-22.2	-3.53	13.1
Lợi nhuận khác	1.98	1.05	0.47	1.23	-0.71
LN trước thuế	-4.93	-4.50	-21.7	-2.30	12.4
Lợi nhuận sau thuế	-6.05	-5.54	-22.1	-2.95	10.1
LNST của CĐ cty mẹ	-6.19	-5.70	-23.4	-2.95	10.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	31.5	7.64	5.17	9.43
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.54	-0.40	0.02	0.72	0.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.56	-40.4	-18.4	4.22	-0.41
Tiền đầu kỳ	16.8	29.1	19.6	6.67	16.9
Lưu chuyển tiền thuần	12.4	-9.25	-10.7	10.1	9.83
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.30	3.12	0.13	0.41
Tiền cuối kỳ	29.1	19.6	12.0	16.9	27.2

(Nguồn: fireant.vn)